

VÀI SỐ LIỆU THỐNG KÊ THỜI NHÀ NGUYỄN

Hoàng Minh Thiện

Năm Kỷ Mão - 1819, cách nay gần 200 năm, khi vua Gia Long sắp qua đời cho gọi Hoàng Thái Tử, sau này là vua Minh Mạng, đến nói: "Đấy là cơ nghiệp gian nan của trẫm, nay

giao cho con, con nên cẩn thận giữ gìn" [xem(1), tr.1000]; ngay sau đó có đoạn văn: "Bộ hộ dăng tổng sách đình điền,..." mà số liệu được đưa vào biểu sau:

Đơn vị hành chính	Đình (người)	Công tư điền thổ	Đơn vị hành chính	Đình (người)	Công tư điền thổ
Quảng Đức	34000	74000 mẫu	Thanh Hoá	40300	323200 mẫu
Quảng Bình	13500	36100 mẫu	Thanh Bình	9100	120800 mẫu
Quảng Trị	17200	56500 mẫu	Hoài Đức	5100	5300 mẫu
Quảng Nam	36900	137100 mẫu	Hải Dương	23900	535500 mẫu
Quảng Ngãi	15400	60000 mẫu	Kinh Bắc	43900	595500 mẫu
Bình Định	33300	85900 mẫu	Sơn Nam Hạ	38700	515300 mẫu
Phú Yên	5000	46900 mẫu	Sơn Nam Thượng	38700	515300 mẫu
Bình Hoà	5000	2800 mẫu	Sơn Tây	35400	475800 mẫu
Bình Thuận	9200	2600 sớ và 1090 khoảnh	Hung Hoá	6300	11300 mẫu
Phiên An	28200	4800 sớ	Tuyên Quang	3800	31400 mẫu
Biên Hoà	10600	2600 sớ	Yên Quảng	2100	17900 mẫu
Định Tường	19800	7000 sớ	Lạng Sơn	5300	6700 mẫu
Vĩnh Thanh	37000	9900 sớ	Cao Bằng	8000	36600 mẫu
Hà Tiên	1500	60 sớ	Thái Nguyên	6700	57900 mẫu
Nghệ An	115400	413500 mẫu			[xem(1), Tr.1001-1002].

Như vậy tổng số đình toàn quốc thống kê được ở thời điểm này khoảng 647.300 người; về diện tích "công tư điền thổ" chúng ta chưa cộng được vì có ba loại đơn vị tính là mẫu, sớ, khoảnh được sử dụng (và chúng tôi chưa có điều kiện tra cứu được để quy đổi). Dẫu vậy, có một nguồn số liệu thống kê khá đầy đủ như thế này là ít thấy trong các bộ sử.

Sự sắp đặt như vậy trong bộ sử như ngầm khẳng định hai số liệu quan trọng được thống kê nói lên "cơ nghiệp" của

vua Gia Long là số liệu về "đình" và "điền" (con người và đất đai) các thành trấn (tỉnh, thành) của đất nước thời điểm đó; cho đến hiện nay thì con người và đất đai vẫn được coi là những nguồn lực cơ bản nhất của quốc gia và mọi chiến lược phát triển đất nước đều dựa trên hai nguồn lực quan trọng này. Từ tư liệu trên với bất kỳ ai mới vào nghề thống kê cũng thấy ngay số liệu về đất đai là không thống nhất đơn vị tính: ở đây chủ yếu sử dụng "mẫu" làm đơn vị tính diện tích công tư điền thổ, lại áp dụng thêm hai đơn vị

tính nữa là "sở" và "khoảnh" cho một số tỉnh ở phía nam - điều này cũng khẳng định rằng sự thống nhất quản lý đất đai trên toàn quốc gia vào thời điểm đó (năm 1819) vẫn còn đang diễn ra và chưa hoàn thiện. Một điểm đáng nghi ngờ trong tư liệu là số liệu của hai tỉnh Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ lại trùng nhau cả về số đinh và điền thổ - phải chăng họ đã thống kê chung hai tỉnh này rồi chia đôi hay làm một nơi rồi ghi cho cả hai!? các cách làm số liệu thống kê kiểu này nay cũng vẫn còn xảy ra!. Thêm nữa, các số liệu đều kèm theo từ "hơn" thì nó đã hàm nghĩa rằng chưa thống kê đầy đủ!; và cũng nên lưu ý thêm là chức năng làm số liệu thống kê quan trọng này được giao cho Bộ Hộ soạn thảo nên.

Để tìm hiểu thêm về các số liệu thống kê thời đó chúng ta cùng xem đoạn tư liệu sau:

"Bắt đầu thi hành phép duyệt tuyển [duyệt quân tuyển lính], theo lời Đào Duy Từ xin phép ấy lược theo quy lệ đời Hồng Đức triều Lê: 6 năm một lần tuyển lớn, 3 năm một lần tuyển nhỏ. Đến kỳ tuyển thì tháng giêng sai quan khiến các tổng xã làm sổ hộ tịch, chia làm chính hộ và khách hộ; mỗi loại chia các hạng tráng, quân, dân, lão, tật, cố, cùng, đào; cứ đến tháng 6 thì duyệt tuyển,.. Trong một tháng tuyển xong, chiếu từng hạng định lệ thu thuế theo ngạch bậc khác nhau." [xem(1) tr.49].

Đào Duy Từ là người đã giúp đưa các chúa Nguyễn từ vị trí lãnh chúa cát cứ trở thành các vị vua lập quốc đối địch với nhà Trịnh ở phía Bắc, vì thế có thể tin rằng các chính sách này của ông (áp dụng theo cách thức thời Hồng Đức - vua Lê Thánh Tông) vẫn được các vua nhà Nguyễn sử dụng sau này. Như thế là rõ

ràng việc quản lý nhà nước của chế độ phong kiến thời Nguyễn xưa với "Dân" chỉ tập trung vào hai mục tiêu chính là: tuyển quân và thu thuế; đinh ở đây được chia làm 8 loại và có các mức thuế khác nhau, loại "quân" ở đây chính là loại dự bị cho tuyển vào quân đội; các đối tượng ngoài phạm vi này không được điều tra, theo dõi chẳng!? Điều này cũng có nghĩa rằng: chính quyền thời phong kiến chỉ thu thập các số liệu thống kê đáp ứng nhu cầu quản lý kinh tế - quân sự "cần thiết" mà thôi. Trong cách thức tiến hành này không cho chúng ta biết thời điểm tiến hành "duyệt tuyển" có thống nhất trong cả 29 tỉnh hay không?. Tuy có những lúc đối tượng "đinh" này được nói rộng hay thu hẹp tùy theo tình hình cần thiết của các nhà cầm quyền trong tuyển quân hay thu thuế - nhưng chúng ta vẫn có thể thông qua các tư liệu đã đưa ra về số đinh của từng tỉnh và dựa vào một cơ cấu dân số nào đó phù hợp với thời điểm đó mà ước tính dân số nước ta lúc bấy giờ - số liệu tính ra chắc chưa chính xác và điều đó được minh chứng qua đoạn tư liệu sau (năm Gia Long thứ 6 {1807}):

"Hộ tịch Bắc thành làm xong. Có 23 phủ, 100 huyện, 848 tổng, 6280 xã, thôn, phường, vạn, trại, sách. Số đinh thực nạp là 193389 người. Số đinh trong sổ thường hành của triều Lê là 268990 người, đến nay làm lại hộ tịch, dân nhiều người gian xảo, khai số không thực. Sổ dâng lên, Vua thấy số đinh kém đi không bằng lòng, nhưng nghĩ nước mới bình định, chính trị nên rộng rãi, nên tạm để đó" [xem (1),tr. 714].

Qua đoạn tư liệu trên cho thấy việc điều tra lại về số đinh thông qua làm sổ hộ tịch ở các tỉnh Bắc thành (hơn mười tỉnh) đã thất bại: số đinh thực ghi vào sổ mới chỉ còn 193.389 người, trong khi

trước đó thời Lê trung hưng đã có đến 268.990 đình trong "sổ thường hành" (thời đó áp dụng khoán số đình theo cách ông Phạm Công Trứ đưa ra đã là không chính xác) [xem (2), (3)]; có lẽ việc gắn điều tra với thu thuế, tuyển quân đã là nguyên nhân chính dẫn đến sai lệch trên chăng!. Hơn nữa, trong một thời kỳ đất nước ta đầy biến động và chiến tranh liên miên ở thế kỷ 17, 18 thì các phản ứng của người dân như vậy là dễ hiểu! và vì thế sự chính xác của các số liệu được đưa ra trong bộ sử "Đại Nam Thực Lục" cũng chưa thể khẳng định!?. Số liệu thống kê trong các thời gian lịch sử của nước ta hiện nay vẫn còn bỏ trống nhiều nhưng việc sử dụng các tư liệu cũng phải rất cẩn thận để tránh các sai lệch như đã nói ở trên, đặc biệt là khi phương pháp thu thập, phạm vi, đơn vị tính hay cả thời điểm thu thập,... thường không được định nghĩa rõ ràng.

Các số liệu thống kê trong lịch sử thường ẩn dấu trong các tư liệu khác nhau, việc sử dụng chúng thường rất khó

khăn và độ chính xác không cao - tuy nhiên thời gian đã trôi qua và chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài các tư liệu ít ỏi đó! Để trả lời các câu hỏi muôn thủa của loài người rằng: Quá khứ đã từng thế nào? Hiện nay ra sao? và tương lai sẽ thế nào? chúng ta cần phải sử dụng nhiều nguồn tư liệu, bằng các phương pháp khác nhau; ở đây, chúng tôi chỉ xin giới thiệu đôi chút nghi hoặc và hy vọng rằng sẽ có các độc giả, các nhà nghiên cứu quan tâm tiếp tục khảo cứu và bằng các phương pháp khoa học tìm ra được sự thật lịch sử từ các tư liệu mong manh còn lại này■

[1] Đại Nam Thực Lục, tập một, do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn; nhà xuất bản giáo dục năm 2002.

[2] Thông tin khoa học thống kê, số 6/2001, bài: Đọc vài tư liệu về "điều tra hộ gia đình" trong lịch sử Việt Nam, Tác giả: Hoàng Minh Thiện.

[3] Thông tin khoa học thống kê, số 1/2002, bài: Một ví dụ về: sự cần thiết của báo cáo thống kê (qua một tư liệu lịch sử); tác giả: Hoàng Minh Thiện.